

VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ VỊ THẾ THÀNH THĂNG LONG

GS. TSKH Lê Đức An*, PGS. TS Trần Đức Thạnh**

Mở đầu

Trong *Chiếu dời đô*, vua Lý Thái Tổ có viết: “...đô cũ của Cao Vương ở thành Đại La, ở giữa khu vực trời đất, có thế rồng cuộn hổ ngồi, ở giữa Nam - Bắc - Đông - Tây, tiện hình thể núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là nơi hơn cả. Thực là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sư muôn đời...”[3]. Đây là một áng văn đầu tiên và rất sớm của nước ta chính thức đánh giá về vị trí đặc địa của thành Đại La - Thăng Long, trong đó toát lên những giá trị về tài nguyên và vị thế của vùng đất Kinh đô ngàn năm tuổi này.

1. Những đặc trưng về vị trí địa lý của Thăng Long

1.1. Vị trí địa lý

Thành Thăng Long như mô tả của các tác giả Trần Quốc Vượng [10] và Nguyễn Vinh Phúc [8] nằm giữa “tứ giác nước” của 4 con sông: Hồng, Thiên Phù, Tô Lịch và Kim Ngưu và như vậy có tọa độ:

- 105°47'47" - 105°52'20" KĐ (rộng 04'33" theo chiều tây - đông)

- 21°00'26" - 21°03'14" VB (rộng 02'48" theo chiều bắc - nam)

Nếu coi điện Kính Thiên - Núi Nùng là trung tâm của Thăng Long thì tọa độ của thành có thể được rút gọn là:

- 105°50'26" KĐ

- 21°02'30" VB

Lãnh thổ Đại Việt hồi đầu triều đại nhà Lý có biên giới phía nam đến hết tỉnh Hà Tĩnh, tại Hoành Sơn, còn biên giới phía bắc cũng tương đương như vùng Hà Giang ngày nay [2] (bản đồ trang 118), và do đó được giới hạn bởi các vĩ tuyến bắc:

* Viện Địa lý, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

** Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- 17°58' (phía nam) - 23°24' (phía bắc);

Và các kinh tuyến đông:

- 102°09' (phía tây) - 108°04' (phía đông).

Như vậy, Thăng Long phân bố thiên về phía bắc của đất nước hồi đó khoảng 21' VB và thiên về phía đông khoảng 43' KD.

1.2. Vị trí tương quan với các hệ núi

Núi non trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam thuộc về 3 hệ chính. Đó là hệ núi Việt - Trung, hệ núi Bắc Đông Dương và hệ núi Đông Đông Dương.

- Thuộc về *hệ núi Việt - Trung* là các khối và dãy núi phân bố ở phía đông bắc của sông Chảy, bao gồm các khối núi cao của vòm Sông Chảy (với các đỉnh Tây Côn Lĩnh - 2419m, Kiều Liêu Ti - 2402m), các cao nguyên Đồng Văn - Mèo Vạc, Quản Bạ; cùng bốn dãy núi - cánh cung nổi tiếng: cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, và cánh cung Đông Triều. Trong bình đồ sơn văn chung đó, nổi lên vấn đề về *vị trí của dãy Tam Đảo*. Đó là một dãy núi đột khởi nổi lên giữa vùng đồng bằng đồi núi thấp, kéo dài thẳng tắp theo phương tây bắc - đông nam, tức là cùng phương với các dãy núi Con Voi và Hoàng Liên Sơn, mà có vẻ như xa lạ với các dãy núi cánh cung ở phía đông. Vậy Tam Đảo có thuộc về hệ núi Việt - Trung? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng tôi thấy cần phải phân tích thêm các tài liệu địa chất. Dãy Tam Đảo cấu tạo chủ yếu bởi các trầm tích - nguồn núi lửa, gồm cát bột kết, phiến sét chuyển lên rhyolit porphyr, đacit và các thấu kính tuf (hệ tầng Khôn Làng, T_{2a}). Các đá tương tự còn gặp ở Tiên Yên và Bình Liêu, tức là ở cánh cung Đông Triều, mà không hề gặp ở phía Tây Bắc Bộ. Ngoài ra, nếu phân tích kỹ hình thái của cánh cung Đông Triều thì thấy rằng nó đã đổi hướng từ ĐB (đầu phía đông), sang á vĩ tuyến (vùng núi Yên Tử) và chệch về TB ở đầu phía tây của dãy (vùng Chí Linh, Quế Võ, Yên Dũng), và như vậy là phù hợp với phương TB - ĐN của dãy Tam Đảo. Do đó, có thể khá tin cậy xếp dãy núi này vào cánh cung Đông Triều, nơi có dải núi thiêng và là di sản địa chất - núi Yên Tử. Có điều, Tam Đảo dường như bị hệ thống sông Cầu - Thương - Lục Nam xuyên cắt qua và bị tách ra khỏi dãy núi mẹ. Như vậy, Thăng Long nằm về phía ĐN của đỉnh Tam Đảo 1591m (có bản đồ ghi 1592m) và ở bên ngoài phần cong lõm của cánh cung Tam Đảo - Đông Triều.

Khác với một số giáo trình địa lý đã có, về mặt địa lý tự nhiên, chúng tôi từ lâu vẫn chủ trương đồng bằng sông Hồng, trong đó có Thủ đô Hà Nội là thuộc về khu Tây Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (lý do của việc sắp xếp đó đã vượt ra khỏi nội dung bài này nên xin không được trình bày). Như vậy, đường thẳng chạy dọc sông Chảy rồi viền quanh bên ngoài của vòng cung Tam Đảo - Đông Triều chính là ranh giới phân chia khu tự nhiên Bắc và Đông Bắc Bộ, với khu Tây Bắc Bộ và cực Bắc Trung Bộ [1].

- Thuộc về *hệ núi Bắc Đông Dương* là toàn bộ các khối và dãy núi phân bố từ phía tây sông Chảy đến sông Cả (còn bao gồm cả Bắc Lào và Mianma), có thể kể lần lượt: dãy Con Voi (1425m), dãy Hoàng Liên Sơn (3143m, tài liệu mới: 3147,3m), dải núi Pu Si Lung (3076m) và các cao nguyên Tà Phìn - Sin Chải - Sơn La - Mộc Châu đến dãy Tam Điệp, dải núi Pu Đen Đinh (1886m) - Pu Sam Sao (1898m) - cao nguyên Hủa Phan (Lào) - khối Phu Hoạt (2452m). Ở đây cũng lại xuất hiện vấn đề về *vị trí của núi Ba Vì*, còn gọi là núi Tân Viên (1296m, có bản đồ ghi 1287m) trong bình đồ sơn văn chung. Khu vực này có hệ

thống sơn văn phức tạp. Sông Đà chảy đến nam huyện Đà Bắc đã tạo thành một vòng cung nổi tiếng, khi đang có hướng chảy về ĐN đã uốn lệch sang Đ rồi ĐB, và thẳng về B, thậm chí có đoạn chảy về TB, để cuối cùng đổ vào sông Hồng từ hướng N. Vòng cung sông Đà như ôm lấy toàn bộ phần ĐN của dãy núi Hoàng Liên Sơn tiếp nối liên tục với dãy Ai Lao San bên Trung Quốc và được tạo bởi các đá cổ (PR và PZ₁), vốn thuộc về địa khu lục địa tiền Cambri. Còn vùng núi Ba Vì cho đến tận Hà Trung (Thanh Hoá) được các nhà địa chất xếp vào một kiến trúc khác - hệ rift nội lục sông Đà, cấu tạo chủ yếu bởi các đá phun trào basalt và tuf của chúng, với các đỉnh Ba Vì và Viên Nam (1031m). Các đỉnh này tạo thành một dải núi có đường chia nước uốn lượn phức tạp và độ cao thay đổi do sự tranh chấp giữa các suối của hệ thống sông Đáy với các suối ở hữu ngạn sông Đà phía bắc thị xã Hoà Bình. Nhưng nhìn chung, dải núi này có phương TB - ĐN, là phương chủ đạo của khu Tây Bắc Bộ. Và, thành Thăng Long nằm ở chính Đông của đỉnh Ba Vì.

* Ở đây có thể phân tích thêm sự khác nhau của hai dãy núi Ba Vì và Tam Đảo, là nơi có vị trí gần với Thăng Long nhất. Về mặt địa chất, Ba Vì - Viên Nam tạo bởi đá mang tính bazơ (basalt) còn Tam Đảo - tính acid (ryolit), nên đá Ba Vì nặng hơn, có nguồn gốc nằm sâu hơn trong lòng đất và có màu sẫm hơn. Về hình thái và quy mô, Tam Đảo lại thể hiện rõ nét hơn, cao hơn và lớn hơn Ba Vì, còn về tuổi địa hình thì như nhau. Cả hai dãy núi này đều có cấu tạo sườn không đối xứng và phía sườn thoải đều hướng về sông Hồng: Ba Vì là sườn ĐB, còn Tam Đảo là sườn TN. Mạng lưới suối của Tam Đảo có dạng lông chim - các suối từ sườn núi song song đổ thẳng vào các con sông chảy ngang qua: sông Phó Đáy ở phía TN, và sông Công ở phía ĐB. Trong khi đó suối của Ba Vì có dạng *cành cây*, đã tập trung nước lại tạo thành một bồn thu nước, một lưu vực khá lớn, để hình thành một dòng sông thực thụ - sông Con, một trong các chi lưu chính của sông Đáy. Như vậy, Ba Vì có thể coi là *núi - đầu - nguồn*. Như trên đã nêu, về mặt phân vùng địa lý tự nhiên, Ba Vì nằm trong cùng một khu địa lý với Thăng Long, trong khi Tam Đảo ở bên ngoài (khác hệ núi). Có một nhận xét khá thú vị: Việt Trì (vùng đất Tổ) nằm trên đường thẳng nối đỉnh Ba Vì với đỉnh Tam Đảo; trong khi Cổ Loa nằm trên đường nối Ba Vì với Yên Tử; còn đường thẳng nối Ba Vì với Thăng Long kéo dài về Đông cắt qua thành phố Hạ Long và đỉnh núi Bài Thơ, nơi có di tích bài thơ khắc trên đá của vua Lê Thánh Tông (1468) và bài thơ của chúa Trịnh Cương (1686 - 1730). Như vậy, tam giác Ba Vì - Tam Đảo - Yên Tử có nhiều liên hệ về mặt hình học với Việt Trì - Cổ Loa - Thăng Long (về mặt phong thủy chúng tôi không dám lạm bàn).

* Toạ độ của đỉnh Ba Vì (Tản Viên)	: 105°22'17" KĐ
(1287m - 1296m)	: 21°03'17" VB
Đỉnh Tam Đảo	: 105°33'08" KĐ
(1591 - 1592m)	: 21°34'10" VB
Đỉnh Yên Tử	: 106°42'40" KĐ
(1068 - 1064m)	: 21°09'28" VB

* Cũng có thể xem xét mối tương quan giữa Thăng Long với các dãy núi Con Voi và Hoàng Liên Sơn, đều trải dài theo phương TB-ĐN. Việt Trì và đền Hùng nằm ở phần hạ thấp phía ĐN của dãy Con Voi và được coi như thuộc về dãy núi này. Đất đá của dãy Con Voi theo đường phương tiếp tục chạy về phía ĐN và chìm sâu xuống dưới đồng bằng Hà Nội, nằm sát phía TN của Thăng Long, do đứt gãy sông Hồng và sông Chảy khổng chế

hai bên sườn của dãy núi này đã đi hơi chệch về NĐN, mà không cắt qua Thăng Long. Cũng cần nói thêm là dãy Con Voi tạo bởi đá thuộc loại cổ nhất ở Việt Nam (tiền Cambri), đỉnh cao nhất có tên núi Cái, với toạ độ: $104^{\circ}33'41''$ KĐ và $22^{\circ}05'42''$ VB (cao 1425m, có nơi ghi 1424,6m).

Dãy Hoàng Liên Sơn, như trên đã nêu, bị sông Đà với khúc uốn tại Hoà Bình chặn lại và bị chìm sâu xuống dưới một cấu trúc trẻ hơn - trũng rift nội lục, mà một thành phần quan trọng của nó là núi Ba Vì. Như vậy, Thăng Long không có mối tương quan trực tiếp với Hoàng Liên Sơn.

- Thuộc về hệ núi Đông Đông Dương gồm dãy Trường Sơn, khởi nguồn ở cao nguyên Xiêng Khoảng (Lào), từ TN sông Cả đến bắc sông Đà Rằng, để rồi tiếp đến các cao nguyên và khối núi Nam Trung Bộ. Thăng Long phân bố về phía ĐB của hệ núi này, tuy nhiên không thể hiện mối tương quan trực tiếp.

1.3. Vị trí tương quan với các hệ thống sông

Chúng ta đều biết trong phạm vi Bắc Bộ có hai hệ thống sông chính là sông Hồng và sông Thái Bình. Chúng được nối với nhau bằng hai phân lưu chính của sông Hồng là sông Đuống và sông Luộc.

Ở thời điểm hiện nay chảy qua phía đông của khu vực Thăng Long cổ có nước của sông Thao (tên sông Hồng từ Việt Trì trở lên), sông Đà và sông Lô. Hệ thống sông này có các đặc trưng cơ bản như sau:

- Diện tích lưu vực: 143.700km²
- Chiều dài dòng chính: 1126km
- Tổng lượng nước: 127,0 tỷ m³/năm (qua Sơn Tây)
97,1 tỷ m³/năm (qua Chương Dương)

Theo các giá trị về diện tích lưu vực, về tổng lưu lượng nước và tổng lượng bùn cát, sông Đà lớn hơn sông Thao và sông Lô và vì vậy, có thể coi là dòng chính của hệ thống sông Hồng.

Hệ thống sông Thái Bình hợp bởi ba sông Cầu, Thương và Lục Nam, trong đó sông Cầu là dòng chính. Các số liệu tính đến Phả Lại như sau:

- Diện tích lưu vực: 12.680km²
- Chiều dài dòng chính: 288km
- Tổng lượng nước: 10,0 tỷ m³/năm

Hệ thống sông Hồng - Thái Bình không phải là bất biến, mà đã thay đổi rất nhiều trong các thời kỳ địa chất cũng như trong lịch sử vài ngàn năm trở lại đây, mà phân tích quá trình đó sẽ làm rõ hơn mối tương quan với thành Thăng Long cổ. Về vấn đề này, GS. Đào Duy Anh đã có một nghiên cứu địa lý học lịch sử rất chi tiết [2] và đi đến kết luận rằng chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 xảy ra trong điều kiện sông Đuống còn là dòng chính của hệ thống sông Hồng, đã mang lượng nước chủ yếu của hệ thống này về phía đông, đưa vào sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, sông Giá và sông Chanh (cửa sông Chanh chính là cửa Bạch Đằng hồi đó). Đây chính là con đường thủy thuận lợi nhất và cũng là

quan trọng nhất từ thương cảng Vân Đồn, vịnh Hạ Long đến Kinh đô Thăng Long. Tiếp sang các thế kỷ sau, cùng với sự tách ra tạo Hồ Tây và bồi lấp cửa đầu sông Đuống, dòng chính của hệ thống sông Hồng đã chảy về ĐN như hiện nay và vai trò của cửa Ba Lạt, cửa Đáy ngày càng trở nên quan trọng thay thế cửa Bạch Đằng trong giao thông đường thủy từ ngoài biển nối với Thăng Long - Kẻ Chợ và Phố Hiến.

Các nghiên cứu địa chất chi tiết của chúng tôi về vùng cửa sông Bạch Đằng đã làm sáng tỏ vấn đề này [9]. Dựa trên cơ sở nghiên cứu cổ sinh rất phong phú, các tài liệu về ngân biển, thêm biển, đề cát biển và tuổi tuyệt đối (C_{14}) của chúng, các tài liệu về địa mạo và kiến tạo hiện đại, cũng như các tài liệu khảo cổ, chúng tôi đã chia lịch sử tiến hoá địa chất Holocen¹ vùng cửa sông Bạch Đằng làm 3 thời kỳ với 7 giai đoạn, trong đó mỗi thời kỳ được bắt đầu bằng quá trình biển tiến/ biển lùi, với đường bờ biển di chuyển về phía lục địa và kết thúc bằng quá trình biển lùi.

* Từ 3.000 năm đến 500 - 700 năm trước (thế kỷ XIII - XV) là thuộc về Thời kỳ thứ hai, gồm 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1* (từ 3.000 đến 2.000 năm trước), vùng này thuộc môi trường vụng biển do biển lấn.

- *Giai đoạn 2* (từ 2.000 đến 1.000 năm trước), chủ yếu là môi trường vụng biển nông, chắn phía ngoài là một hệ đề cát kéo dài từ Phù Long - Cát Hải, sang Đình Vũ, đến Ngũ Đoan, Tiên Thắng. Điều đặc biệt là thành phần khoáng vật trong các đề cát này lại có nguồn gốc từ các phức hệ đá biến chất thượng lưu sông Hồng.

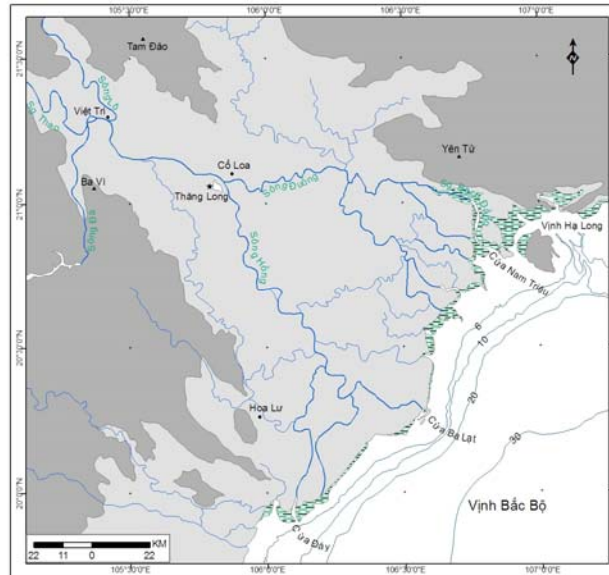
- *Giai đoạn 3* (từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIII - XV), vùng thuộc môi trường cửa sông châu thổ (như kiểu vùng Ba Lạt ngày nay), với khối lượng rất lớn là bồi tích của sông Hồng, được mang tới qua sông Đuống và cả dọc bờ từ phía TN lên. Các đồng bằng rộng lớn đã được thành tạo và được khai khẩn từ rất sớm: Nam Yên Hưng, Bãi Nhà Mạc, đảo Hà Nam (với công trình đề từ thời Lý - Lê), Đình Vũ v.v... Lễ hội Tiên công vào ngày 7 tháng Giêng âm lịch hàng năm ở đảo Hà Nam, là lễ mừng thọ, nhưng mang đậm màu sắc của lễ hội khai hoang lấn biển ở đồng bằng Bắc Bộ.

Như vậy, trận thủy chiến Bạch Đằng năm 1288 xảy ra trên đoạn Phà Rừng - sông Chanh là trong môi trường vùng cửa sông châu thổ, mà đây sông nông hơn ngày nay.

* Giai đoạn từ thế kỷ XIII - XV đến nay (thuộc Thời kỳ thứ ba) là giai đoạn còn đang tiếp tục, mà bắt đầu là một đợt biển lấn mới do biển dâng chân tĩnh, với môi trường cửa sông hình phễu mở rộng, với quá trình ngập chìm không đền bù trầm tích, thiếu hụt bồi tích, xói lở bờ bãi và đầm lầy hoá các vùng đất ngập triều.

Sự thay đổi thủy chế và hướng chảy của các dòng sông ở Bắc Bộ theo chúng tôi có nguyên nhân sâu xa từ các hoạt động kiến tạo hiện đại, với các vòm nâng và hạ địa phương (như Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì v.v.).

Qua phân tích ở trên, chúng ta có thể thấy rằng mối quan hệ của Thăng Long với hệ thống sông Hồng - Thái Bình đã thay đổi theo thời gian, phụ thuộc vào sự biến đổi của bản thân hệ thống sông này, từ đó mối quan hệ của kinh đô với các cửa sông cũng thay đổi theo. Dường như có một xu thế khá rõ ràng là từ đầu CN đến nay hệ thống sông Hồng - Thái Bình đã chuyển nguồn phù sa của mình dần về phía TN để bồi đắp nên những đồng bằng màu mỡ và lịch sử khai phá các vùng đất mới ven biển cũng chuyển dần từ vùng bờ ĐB về TN (hình 1).



Hình 1. Vị thế thành Thăng Long trong hệ thống sơn văn - thủy đạo đồng bằng sông Hồng và lân cận

1.4. Thăng Long nằm ở vị trí ranh giới và chuyển tiếp của nhiều hệ thống tự nhiên

* Vị trí ranh giới và chuyển tiếp quy mô toàn cầu:

Như phần trên đã nêu, Thăng Long thuộc về 105^0 KĐ và 21^0 VB. Đó là các kinh, vĩ tuyến có ý nghĩa toàn cầu.

- Các nhà địa lý học đã chia bề mặt Trái đất thành hai nửa - nửa lục địa và nửa đại dương, mà ranh giới giữa chúng là vòng tròn lớn $\lambda = 105^0$ KĐ - 75^0 KT, được gọi là *kinh tuyến tạo lục* [4]: phía đông kinh tuyến 105^0 là nửa đại dương của Trái đất (Thái Bình Dương), còn phía tây là nửa lục địa (Á, Âu, Phi và Nam Mỹ). Thăng Long đã nằm ở ranh giới đó, đồng thời thuộc về kinh tuyến tạo lục địa và có xu thế hướng biển rất lớn ($105^050'$). Phải chăng vị trí kinh tuyến đó đã tạo cho đất nước này ngay từ đầu đã là một quốc gia nửa bán đảo - nửa quần đảo, một quốc gia hướng biển (với sự tích Con Rồng cháu Tiên, 50 trong số 100 con đã theo cha xuống khai phá miền biển vào đầu thời kỳ Hùng Vương) và chinh phục hải đảo (với câu chuyện về Mai An Tiêm, cũng ở thời Hùng Vương).

- Vĩ tuyến 21^0 nằm sát ranh giới giữa đai nhiệt đới (20^0 - 30^0 VĐ) với đai á xích đạo (20^0 - 5^0 VĐ), mà đặc trưng của đai nhiệt đới trên các lục địa là phát triển rộng rãi hoang mạc và bán hoang mạc, tạo nên một *đới hoang mạc nhiệt đới*, phân bố ở châu Phi (Xahara), châu Á (Ả Rập, Nam Iran...), ở Bắc và Nam Mỹ. Tuy nhiên, miền Bắc Việt Nam nói chung, và vùng Thủ đô nói riêng không có hoang mạc là nhờ chế độ gió mùa ở Đông Nam Á mang hơi ẩm và mưa từ vùng biển ở các phía đến, để tạo thành một đới rừng kín thường xanh mùa mưa nhiệt đới. Đó cũng là một ưu ái của thiên nhiên mà vị trí địa lý của vùng đem lại cho Thủ đô.

Như vậy, với vị trí phân bố ở ranh giới của các thực thể địa lý quy mô toàn cầu, Thăng Long cũng như vùng Thủ đô nói chung dường như đã chiếm được một đặc thù, một sự đa dạng và một tiềm năng có quy mô lớn mà ta chưa nhận biết được hết.

* *Vị trí ranh giới và chuyển tiếp quy mô khu vực*

Thăng Long nói riêng và vùng Thủ đô nói chung nằm trên một đới khâu kiến tạo lớn của Đông Nam Á - Đới đứt gãy sông Hồng, là ranh giới của hai vi mảng thạch quyển có chế độ địa động lực khác nhau (vi mảng Đông Bắc Bộ - Nam Trung Hoa và vi mảng Đông Dương), là nơi xảy ra quá trình trượt bằng, tách giãn và sụt lún mạnh mẽ, tạo vồng kiến tạo dạng địa hào - đó chính là trũng Hà Nội. Thăng Long và vùng Thủ đô Hà Nội phân bố ở nơi chuyển tiếp giữa các hoạt động nâng và hạ tuyệt đối Tân Kiến tạo (cự ly nâng khoảng 1000m, và hạ - 4000m), là nơi chuyển tiếp giữa vùng đồi núi bóc mòn và vùng đồng bằng tích tụ. Sự chuyển tiếp về mặt địa hình diễn ra theo nhiều phương thức khác nhau, mà thông thường là chuyển tiếp từ từ: núi thấp - đồi - đồng bằng thềm - đồng bằng châu thổ (phía Bắc). Tuy nhiên, cũng gặp các loại chuyển tiếp đột ngột: núi thấp - đồng bằng châu thổ; hoặc: núi - đồng bằng thềm... (phía tây nam).

Với đặc điểm là phân bố ở ranh giới và chuyển tiếp của nhiều hệ thống tự nhiên, Thăng Long và vùng Thủ đô đã có được nhiều ưu thế về các điều kiện tự nhiên và tài nguyên, những thuận lợi trong thực hiện vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của mình, nhưng đồng thời cũng kèm theo các hạn chế và khó khăn.

2. Vị thế Thăng Long

Vị thế và tài nguyên vị thế (của một lãnh thổ) là một khái niệm khá mới mẻ, và hiện chưa có một định nghĩa rõ ràng và đầy đủ được công nhận rộng rãi. Vị thế được hiểu là: “những lợi thế so sánh về phương diện địa lý, khả năng khai thác các giá trị phi vật chất và vật chất của một lãnh thổ nhất định” [5]. Chúng tôi quan niệm: “Tài nguyên vị thế là những giá trị và lợi ích có được từ vị trí địa lý và các thuộc tính về cấu trúc, hình thể sơn văn và cảnh quan, sinh thái của một không gian, có thể sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền quốc gia”. Tài nguyên vị thế được đánh giá theo ba tiêu chí là các giá trị về vị thế địa tự nhiên, về vị thế địa kinh tế và về vị thế địa chính trị. Dưới đây là một số vấn đề chủ yếu về vị thế và tài nguyên vị thế của thành Thăng Long trong bối cảnh lịch sử của mình.

2.1. Vị thế địa tự nhiên

*) Mặc dù được cấu tạo bởi các trầm tích rất trẻ nguồn gốc sông, hồ, đầm lầy, vũng vịnh và có nơi chứa tầng đất yếu (than bùn), Đại La - Thăng Long vốn là một vùng đất cao ráo nhờ có vị trí phân bố ở gần đỉnh của tam giác châu, và đúng như *Chiếu dời đô* đã viết, dân cư không khổ về ngập lụt. Thật vậy, từ khi định đô đến gần 100 năm sau nhà Lý mới phải tiến hành đắp đê Cơ Xá (1108) và hơn 100 năm sau (1121) mới có thông tin về nước to tràn vào bên ngoài cửa thành phía nam [3]. Chính tài liệu địa chất cũng đã nói lên điều đó: phía tây hồ Tây, từ Thụy Phương, Cổ Nhuế cho đến Nghĩa Tân (vốn thuộc ngoại thành) hoàn toàn không tìm thấy bồi tích tuổi trẻ hơn 11 ngàn năm, có nghĩa là nước của hệ thống sông Hồng chưa bao giờ tràn đến nơi đây, kể cả khi còn chưa có đê. Cốt nghĩa cho hiện tượng lụt lội sau này của vùng Thủ đô có thể dẫn nguyên nhân do con người (xây dựng, đào đắp) và cả nguyên nhân do tự nhiên (nước biển dâng chân tĩnh).

*) Cũng do phân bố ở gần đỉnh của tam giác châu, nơi tập trung dòng chảy của các sông ngòi từ mọi hướng trong lưu vực đổ về, đã mang đến vùng Thủ đô tài nguyên nước

vô cùng phong phú và quý giá, cả nước mặt và nước ngầm, đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu phát triển nông nghiệp, đô thị và cho phát triển dân sinh, kinh tế nói chung.

*) Nhờ phân bố ở nơi địa hình bằng phẳng, không quá gần với miền núi và cũng không quá xa với miền biển, nằm trên vĩ tuyến 21⁰B, nên Thăng Long cũng như vùng Thủ đô có điều kiện khí hậu tương đối thuận lợi cho đời sống và sản xuất, ít chịu các thiên tai (lũ bùn đá, trượt lở, bão kèm nước dâng...) và các điều kiện cực đoan của khí hậu (như sương muối, rét hại, mưa lớn, gió mạnh) như nhiều vùng khác (*hình 1*). Ngoài ra, ở đây còn có mùa mưa hợp lý và sự phối hợp thuận lợi giữa mùa nhiệt và mùa khô so với vùng Thanh Hoá - Hà Tĩnh và các vùng khác ở phía Nam.

*) Như một hệ quả tất yếu từ vị trí phân bố, Thăng Long và vùng Thủ đô có một tài nguyên đất màu mỡ của tam giác châu và cùng với điều kiện thuận lợi của khí hậu, địa hình và nguồn nước, với sự phong phú của thế giới sinh vật nhiệt đới, lãnh thổ này đã có được một cảnh quan sinh thái tươi đẹp, là nơi “muôn vật rất thịnh mà phồn vinh” đúng như *Chiếu dời đô* đã viết.

*) Vị trí địa lý của vùng Thủ đô tất nhiên cũng còn tạo ra một số khó khăn, đòi hỏi con người phải biết cách vượt qua. Với vị trí ranh giới giữa hai vi mảng thạch quyển, Thăng Long và vùng Hà Nội có chế độ động đất vào loại mạnh so với các vùng khác, thuộc cấp 8 (MSK-64), mà có người đã tỏ ý lo ngại cho sự trường tồn của Thăng Long- Hà Nội. Thật ra, vấn đề ở đây là nhận thức của con người và cách tiếp cận trong các quy chuẩn xây dựng đô thị. Còn như vấn đề lụt lội ngày nay của Hà Nội mà nguyên nhân chính là do con người đương đại tạo ra, sẽ phải được chính con người giải quyết một cách cơ bản trong tương lai không quá xa.

2.2. Vị thế địa chính trị và địa quân sự

Có thể nói việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, thành quả lớn nhất mà đất nước được hưởng là những lợi ích to lớn về chính trị và về quân sự.

*) *Thăng Long - trung tâm hành chính thuận lợi nhất cho quản lý lãnh thổ*

Thật vậy, Cổ Loa trước đây chỉ thuận lợi cho quản lý các vùng đất chủ yếu nằm về phía bắc tuyến sông Hồng - sông Đuống (Thục An Dương Vương và nước Âu Lạc). Ngô Quyền lên ngôi (năm 939) và đóng đô ở Cổ Loa là muốn hướng về cội nguồn, nhưng các con của ông (Ngô Xương Văn và Ngô Xương Ngập) đã không thể quản lý được phần lãnh thổ phía nam tuyến sông Hồng - sông Đuống, nơi có nhiều thế lực quân sự nổi lên cát cứ, để rồi đã tạo nên thời kỳ loạn 12 sứ quân.

Còn Hoa Lư chỉ là một vùng đất hiểm yếu, chật hẹp, chỉ thuận lợi cho phòng thủ, không thể là một trung tâm hành chính quốc gia. Đóng đô ở Hoa Lư, vua Lê Đại Hành đã phải cho 11 người con đi cai quản trực tiếp khắp các địa phương và đó cũng là mầm mống của hoạ chém giết nhau để tranh ngôi sau khi ông mất.

Như vậy, chỉ có Thăng Long với vị trí trung tâm đất nước, đất đai bằng phẳng và rộng rãi, là đầu mối các tuyến giao thông thủy bộ mới có đủ điều kiện thuận lợi nhất cho việc quản lý đất nước.

**) Thăng Long - nơi có nhiều điều kiện thuận lợi trong bảo vệ đất nước*

Trước hết, có thể xem xét mối quan hệ không gian của Đại Việt với hai nước láng giềng kinh địch là Chiêm Thành (phía nam) và Bắc Tống (phía bắc). Thủ đô Hoa Lư là ở gần biên giới với Chiêm Thành, ngoài ra Hoa Lư còn rất gần với cửa biển Đại An (hồi đó gọi là Đại Ác, nguyên là cửa của sông Độc Bộ, nay là sông Đáy; Đại An ở bên trong cửa Đáy hiện nay 16km), rất dễ bị tấn công bằng đường biển (khi nghe tin vua Đinh Tiên Hoàng mất, Chiêm Thành với sự xúi giục của Ngô Nhật Khánh đã đem hơn nghìn chiến thuyền đến cửa Đại Ác và Tiểu Khang, nay là cửa Càn, để đánh Hoa Lư, nhưng gặp bão, thuyền đắm, người Chiêm phải rút về) [3]. Thủ đô ở Cổ Loa là gần với biên giới Bắc Tống, nhưng cái chính là Cổ Loa không có sông lớn bảo vệ ở phía bắc, như kiểu Thăng Long có sông Hồng. Có thể Cổ Loa của An Dương Vương bị Triệu Đà chiếm được cũng có một phần do ở vị trí bất lợi đó. Như vậy Thăng Long nằm ở vị trí xa nhất có thể để tránh các áp lực quân sự (khi có chiến tranh) từ các đường biên giới với các nước kinh địch hồi đó.

Vậy Thăng Long còn có những lợi thế gì trong vị thế địa quân sự?

- Trước hết, Thăng Long nằm ở trung tâm đầu mối giao thông của đất nước, mà hồi đó quan trọng nhất là giao thông thủy, bởi lẽ các dòng sông chính đều đã hội tụ về Kinh đô này để rồi từ đây chảy lan toả ra khắp đồng bằng, trước khi đổ vào Biển Đông. Từ Thăng Long có thể ngược lên các cửa ải vùng Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu theo thung lũng các sông phương TB-ĐN hay cánh cung: Thao, Lô, Cầu, Thương và Đà; và cũng có thể bằng đường thủy đi đến khắp các tỉnh của đồng bằng và ven biển, có thể vận chuyển quân đội và lương thực đến tận Nghệ An, Hà Tĩnh và sau này đến tận Thuận Hoá chủ yếu theo đường kênh đào kết hợp với các dòng sông ven biển.

- Thăng Long thông với biển một cách thuận lợi qua nhiều cửa²: Bạch Đằng, Thái Bình, Ba Lạt, Đáy, phân bố đều ở ven rìa đồng bằng, với hình kiểu nan quạt và vì vậy Thăng Long không ở gần biển. Là một đảm bảo an toàn cho kinh đô trước hiểm hoạ tấn công từ biển. Các kinh đô của Chiêm Thành ở Quảng Nam, Bình Định đều ở vào thế bất lợi do ở gần biển trước các chiến dịch tấn công của Đại Việt. Ngay như Kinh đô Huế khi Pháp chiếm cửa Thuận An (20/8/1883) là đã bị đe dọa nghiêm trọng và Triều đình đã buộc phải ký ngay Hoà ước Harmand (25/8/1883), công nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam.

- Thăng Long, như trên đã nêu, được sông Hồng - một con sông lớn bao quanh từ Bắc sang Đông, như một chiếc hào thiên nhiên vĩ đại, mà sông Hoàng Giang của Cổ Loa không thể so sánh được. Chính lợi thế đó làm giảm tốc độ tiến quân của các cuộc xâm lăng từ phương Bắc (thời Lý, Trần) và là cơ sở để lập các tuyến phòng thủ ở phía bắc sông Hồng, hoặc có đủ thời gian chủ động lui quân chiến lược.

- Thăng Long, do ở vị trí trung tâm đất nước, trong chiến tranh vệ quốc đều có thể dựa vào các hậu phương vững chắc, các căn cứ địa an toàn ở nhiều hướng khác nhau, như Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, nhất là Thanh Hoá (nhà Trần, Hồ, Lê).

- Thăng Long ở trung tâm của một đồng bằng màu mỡ, nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, dân cư đông đúc, là cơ sở hậu cần vững chắc phục vụ chiến tranh.

Tuy nhiên, vị thế Thăng Long cũng có hạn chế, có nhiều bất lợi khi bị đánh từ phía nam, nơi không có chướng ngại về địa hình che chở. Điều này thể hiện khá rõ qua các trận chiến thu hồi Thăng Long của các vua nhà Trần, chiếm Thăng Long của Chế Bồng

Nga, qua giai đoạn đánh và vây Đông Quan của Lê Lợi, đặc biệt qua ba lần ra đánh Thăng Long của Nguyễn Huệ. Chính Nguyễn Huệ đã từng nói với các tướng ở Tam Điệp, trước khi tiến đánh quân Thanh: "...Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cứ rõ ràng..." [7].

2.3. Vị thế địa kinh tế và địa văn hoá

**) Thăng Long - trung tâm thủ công mỹ nghệ và trung tâm buôn bán sầm uất nhất của đất nước*

Ngoài việc phát triển nông nghiệp, nét đặc trưng của Thăng Long là nơi quy tụ tất cả các nghề tinh xảo trong cả nước, để lập nên "36 phố phường" ở đất Kẻ Chợ (đã được nhiều tác giả mô tả). Theo GS Trần Quốc Vượng, các cửa ô của Thăng Long cơ bản đều là các cửa nước: Bưởi, Cầu Giấy, Đồng Lâm, Đồng Mác; chợ ven đô cũng đều nằm ở các cửa ô đó, là nơi giao lưu kinh tế, văn hoá giữa nội thành với ngoại thành và cả châu thổ rộng lớn, đầy đều là các chợ bến - chợ búa [10]. Từ đó có thể thấy rằng thương nghiệp Thăng Long phát triển chính nhờ nơi đây là đầu mối giao thông thuỷ bộ của cả Bắc Bộ thời đó. Thăng Long là nơi trung chuyển hàng hoá của miền biển lên miền núi và ngược lại, với hải sản muối mắm đưa lên và gỗ lạt, đồng kẽm chuyển về. Thăng Long ngay từ thời Lý đã có xu thế hướng biển rõ ràng và từ đó mở đầu cho ngoại thương, bằng tuyến đường thuỷ thuận tiện: Thăng Long - cửa Bạch Đằng - thương cảng Vân Đồn³. Vân Đồn chính là cảng biển đầu tiên của Việt Nam, nơi giao thương hàng hoá với khu vực Đông Á, Trung Cận Đông và châu Âu, tồn tại từ triều đại Lý, Trần tới Lê sơ. Đến các thế kỷ sau, Vân Đồn đã được thay thế bởi Phố Hiến (TK XVII - XVIII), rồi Hải Phòng (TK XIX - XX), nhưng Thăng Long - Hà Nội vẫn là trung tâm.

Vai trò trung tâm kinh tế của Thăng Long - Hà Nội cho đến ngày hôm nay vẫn còn tiếp tục phát triển và ngày càng mở rộng.

**) Thăng Long - nơi thể hiện nền văn minh rực rỡ của Đại Việt, kế tiếp nền văn minh sông Hồng*

Mặc dù được định đô sau Phong Châu, Cổ Loa, Hoa Lư, nhưng Thăng Long mới là vùng đất phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt, phát triển trên cơ sở kế thừa liên tục của các nền văn hoá Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun và Đông Sơn. Thành quả đó là kết tinh của công sức lao động sáng tạo không mệt mỏi của hàng triệu người dân Việt (trong đó có nhiều dân tộc anh em), của hàng triệu chiến sỹ qua bao đời chiến đấu chống ngoại xâm, của bao anh hùng liệt sỹ đã hy sinh chống lại sự đô hộ của phong kiến phương Bắc, của trí tuệ và sức lực của bao vị vua anh minh, của các vị tướng tài và các vị quan thanh liêm, chính trực. Vậy vị thế Thăng Long đã có đóng góp gì cho tiến trình phát triển nêu trên?

- Chính vị trí "trung tâm" về mặt tự nhiên và theo đó là cả trung tâm về mặt xã hội, nơi hội tụ nhân tài và tinh hoa văn hoá của cả nước, đã giúp cho Thăng Long tồn tại và phát triển rực rỡ về: kinh tế, văn hoá, nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, võ bị, nội ngoại thương, ngoại giao...

- Chính vị trí địa lý ở đai nhiệt đới gió mùa, giáp Biển Đông, điều kiện khí hậu thuận lợi đã giúp cho cư dân Bắc Bộ sớm sáng tạo nên một nền văn minh lúa nước từ cách đây trên bốn ngàn năm, dọc theo thung lũng và đồng bằng sông Hồng, mà cách đây một ngàn năm đã hội tụ ở Thăng Long.

- Chính ở vị trí “địa lợi” mà Thăng Long từ một ngàn năm nay đã chiến đấu và chiến thắng tất cả các cuộc xâm lăng, dù là của các đế quốc hùng mạnh.

Kết luận

Việc dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long là một bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển của nước Đại Việt ở đầu thế kỷ XI. Sự kiện này thể hiện nhãn quan chiến lược sâu sắc của vua Lý Thái Tổ về vị thế của thành Đại La - Thăng Long. Như vậy, với *Chiếu dời đô*, có thể coi vua Lý Thái Tổ là người đầu tiên đã sáng tạo và vận dụng thành công những luận điểm cơ bản về tài nguyên vị thế của đất Thăng Long.

Ngày nay, sau đúng 1000 năm, vị thế Thăng Long đã có những điểm thay đổi, nhất là trong điều kiện hội nhập, toàn cầu hoá và nhu cầu hướng biển. Trong đó phải kể: Hà Nội ngày nay không còn là trung tâm của cả nước về mặt toạ độ địa lý (nhà Nguyễn đã chọn Huế, ở nơi trung đoạn Bắc - Nam, làm Kinh đô từ năm 1802); hệ thống giao thông thuỷ xuất phát từ Thăng Long đi các địa phương đã suy tàn; hình thái kinh tế thủ công mỹ nghệ, buôn bán cũng đã có nhiều thay đổi; quy mô Thủ đô ngày càng mở rộng, vượt ra khỏi phạm vi Thăng Long xưa; nhiều lợi thế trong bảo vệ Thủ đô nay ít còn tác dụng; Hà Nội ngày nay không còn là một trung tâm kinh tế - văn hoá duy nhất của cả nước như Thăng Long xưa, không còn là nơi “tụ nhân” duy nhất v.v.

Những thay đổi kể trên xét cho cùng đều không phải là những thay đổi về bản chất của vị thế Thăng Long. Vẫn còn đó Thăng Long giữa Ba Vì, Tam Đảo, Yên Tử - các dãy núi thiêng; vẫn còn đó Thăng Long, nơi “tụ thuỷ” với hệ thống sông Hồng - Thái Bình. Thăng Long - Hà Nội vẫn là một trung tâm kinh tế lớn nhất của Bắc Bộ và có vai trò chủ đạo, lan toả ra toàn miền, cả nước. Do vị trí trung tâm của mình, Hà Nội ngày nay vẫn là đầu mối giao thông quan trọng nhất của đất nước về đường bộ, đường sắt và đường hàng không, vẫn là trung tâm của các hành lang kinh tế quốc gia và quốc tế quan trọng nhất, vẫn là trung tâm lớn nhất của cả nước về văn hoá, giáo dục và đào tạo. Vượt lên tất cả, Hà Nội vẫn như Thăng Long xưa, là trung tâm chính trị và là trái tim của cả nước. Ở đây, chúng tôi hiểu chính khu vực Thăng Long xưa (nằm trong lòng Hà Nội ngày nay) là trung tâm chính trị và là trái tim của cả nước và điều đó là không thể thay đổi với thời gian.

CHÚ THÍCH

- ¹ Còn gọi là thế Toàn tân, kéo dài từ 11.000 năm trước đến nay.
- ² Các cửa biển không ở vị trí đúng như ngày nay và có thể mang nhiều tên khác.
- ³ Có tác giả cho rằng do định đô ở Thăng Long mà Hà Nội sau này không có cửa ngõ thông ra quốc tế, không có “cửa ngõ phát triển kinh tế”; cũng do định đô ở Thăng Long là vùng đất trũng, nên nơi đây chỉ phát triển nông nghiệp sau cả ngàn năm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Đức An, Ông Đình Khanh, Võ Thịnh, Nguyễn Ngọc Thành, *Đặc điểm địa mạo vùng Thủ đô Hà Nội với công cuộc đô thị hoá và phát triển bền vững*, trong cuốn: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Khai thác những lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, kinh tế - xã hội trong quá trình đô thị hoá và phát triển bền vững vùng Thủ đô Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2007, tr.107-120.
2. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2005, 268 tr.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập I), NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006, 800tr.
4. Gerasimov I. P, (ed.), *The Morphology of the Earth*, Nauka, Moscow, 1967, 330 pp.
5. Nguyễn Chu Hồi, *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr.221.
6. Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân (đồng chủ biên), *Địa chí Cổ Loa*, NXB Hà Nội, Hà Nội, 2007, 670 tr.
7. Ngô gia văn phái, *Hoàng Lê nhất thống chí* (bản dịch của Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch), NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr.357.
8. Nguyễn Vinh Phúc, *Hà Nội qua những tháng năm*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, 439 tr.
9. Trần Đức Thạnh, *Tiến hoá địa chất vùng cửa sông Bạch Đằng*, Luận án Tiến sỹ địa chất, Hà Nội, 1993, 121 tr.
10. Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hoá*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 1999, 495 tr.